QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT VND

VNDCF

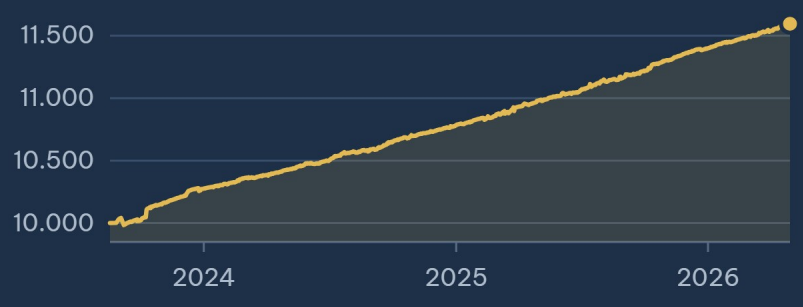
Giá chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) ngày 30/04/2026

11.595,27 VND

+15,95% từ khi thành lập (18/08/2023)

+1,74% từ đầu năm 2026

Giá CCQ từ khi thành lập (VND)



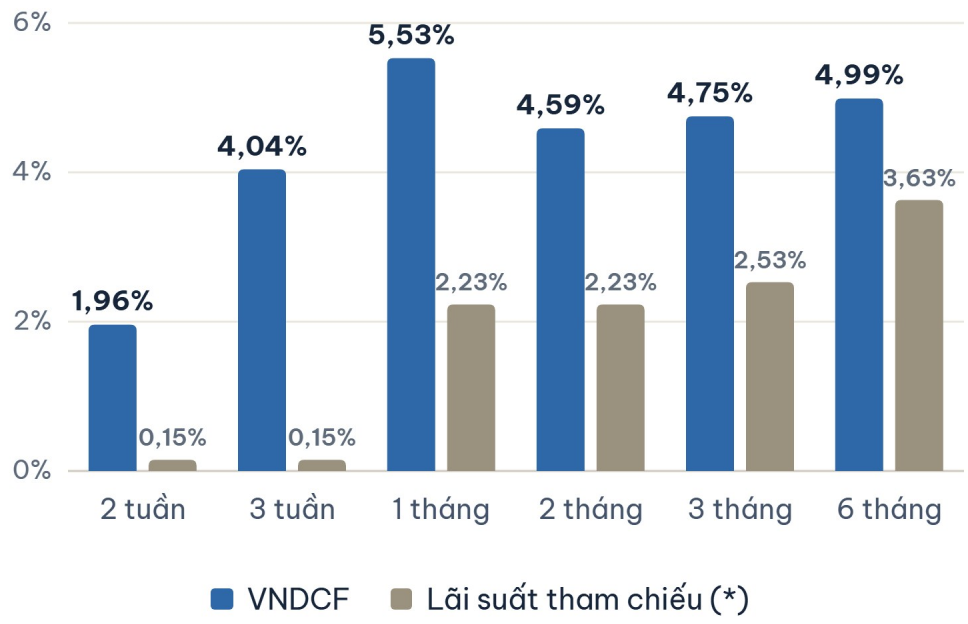
Hiệu quả đầu tư thực tế

Kỳ hạn	2 tuần	3 tuần	1 tháng	2 tháng	3 tháng	6 tháng
NAV/CCQ (VND)	11.574,89	11.556,45	11.530,64	11.494,40	11.449,25	11.300,27
Tăng trưởng NAV/CCQ	0,18%	0,34%	0,56%	0,88%	1,28%	2,61%
Phí bán	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
Thuế thu nhập cá nhân	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%
Lợi suất của NĐT (sau khi trừ thuế và phí)	0,08%	0,24%	0,46%	0,78%	1,18%	2,51%
Lợi suất của NĐT quy năm (sau khi trừ thuế và phí)	**1,96%**	**4,04%**	**5,53%**	**4,59%**	**4,75%**	**4,99%**
Lãi suất tham chiếu (*)	0,15%	0,15%	2,23%	2,23%	2,53%	3,63%

(*) Lãi suất tiết kiệm theo năm trung bình của 4 NH TMCP nhà nước

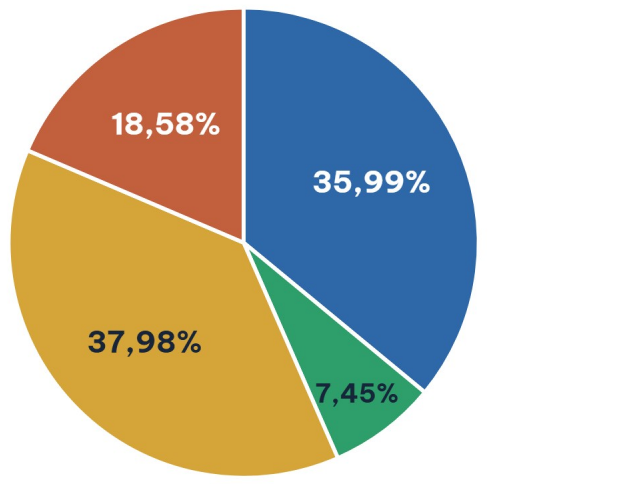
So với lãi suất tham chiếu

Lợi suất của NĐT theo năm, sau khi trừ thuế và phí



Phân bổ tài sản

Tỷ trọng tại ngày 30/04/2026



5 khoản đầu tư lớn nhất

Tổng tỷ lệ nắm giữ: **41,96%**

1	**CVT122009** Công ty Cổ phần CMC Trái phiếu niêm yết	16,72%
2	**NLG12501** Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long Trái phiếu chưa niêm yết	7,45%
3	**EVFCO1125004** Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực Chứng chỉ tiền gửi	6,50%
4	**VHM121025** Công ty Cổ phần Vinhomes Trái phiếu niêm yết	5,85%
5	**VBA123036** Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Trái phiếu niêm yết	5,44%

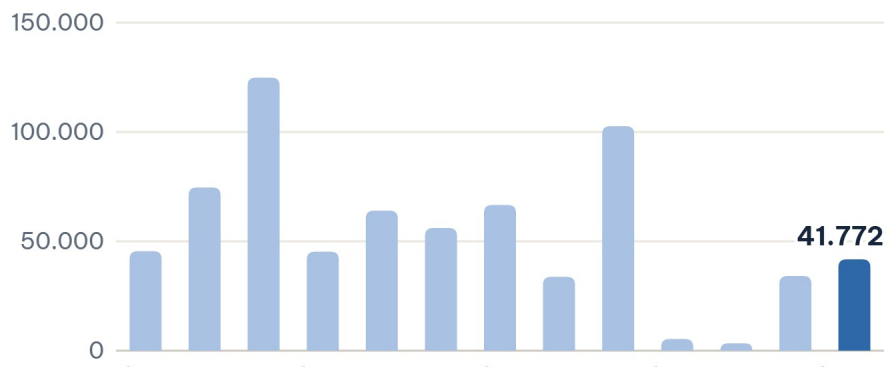
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT VND

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Giá trị phát hành	Mua lại trước hạn	TPDN riêng lẻ	Đáo hạn T5–T12/2026
41.772 tỷ đồng	**30.338** tỷ đồng	**131.020** tỷ đồng	**158,8** nghìn tỷ
▲ 22,4% MoM	▲ 205,4% MoM	BQ 6.551 tỷ/phiên	Giá trị ước tính
▼ 8,2% YoY	▲ 150,4% YoY	▼ 5% so với BQ tháng 3	Chậm trả T4: 4 mã · 120 tỷ

Phát hành

Theo tháng · tỷ đồng

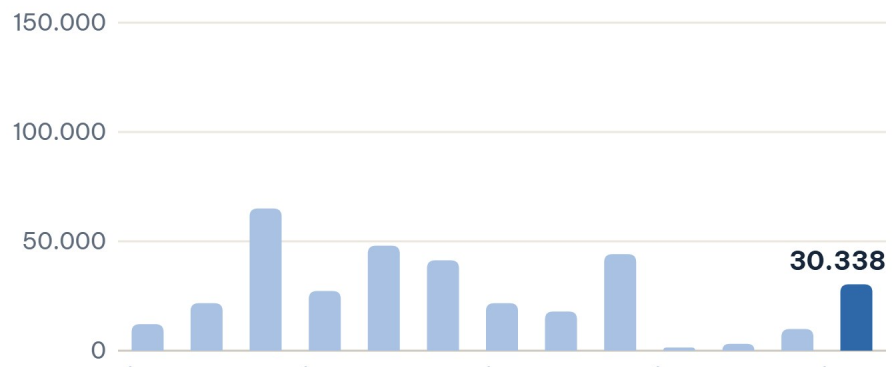


Theo ngành · lũy kế 4T/2026 (tỷ đồng) **84.571**

Bất động sản	41.205	**48,7%**
Tổ chức tín dụng	29.356	**34,7%**
KD chứng khoán	3.010	**3,6%**
Xây dựng	1.400	**1,7%**
Sản xuất	1.200	**1,4%**
Thương mại, dịch vụ	700	**0,8%**
Năng lượng	0	**0,0%**
Lĩnh vực khác	7.700	**9,1%**

Mua lại trước hạn

Theo tháng · tỷ đồng



Theo ngành · lũy kế 4T/2026 (tỷ đồng) **44.844**

Tổ chức tín dụng	31.578	**70,4%**
Bất động sản	10.757	**24,0%**
KD chứng khoán	1.041	**2,3%**
Sản xuất	383	**0,9%**
Xây dựng	209	**0,5%**
Thương mại, dịch vụ	7	**0,0%**
Năng lượng	0	**0,0%**
Lĩnh vực khác	870	**1,9%**

Nhận định thị trường tháng 04/2026

Nguồn: VBMA, HNX, SSC

Theo dữ liệu tổng hợp từ VBMA, HNX và SSC; tháng 4/2026 ghi nhận 25 đợt phát hành TPDN (trong đó 23 đợt phát hành là trái phiếu riêng lẻ, 2 đợt phát hành trái phiếu ra công chúng) với tổng giá trị phát hành 41.772 tỷ (tăng 22,4% so với tháng trước và giảm 8,2% so với cùng kỳ năm trước). Nhóm Tổ chức tín dụng phát hành nhiều nhất với 17.423 tỷ trái phiếu (chiếm 41,7% tổng giá trị phát hành TPDN toàn thị trường) với mức lãi suất bình quân 8,47%/năm, kỳ hạn bình quân ~ 3,39 năm. Tiếp đến là nhóm Bất động sản đã phát hành 15.450 tỷ trái phiếu với lãi suất phát hành bình quân 11,29% ~ kỳ hạn bình quân 2,52 năm. Luỹ kế 4 tháng năm 2026, TPDN đã phát hành thành công khoảng 85 nghìn tỷ.

Theo dữ liệu tổng hợp gần nhất từ HNX, các doanh nghiệp đã thực hiện mua lại trước hạn 30.338 tỷ đồng trái phiếu trong tháng 4/2026 (tăng 205,39% so với tháng trước và tăng 150,4% so với cùng kỳ năm trước). Tổ chức tín dụng là nhóm mua lại trước hạn trái phiếu nhiều nhất trong tháng 4 với 27.473 tỷ, chiếm đến 90,6% tổng giá trị trái phiếu mua lại trước hạn. Lũy kế 4 tháng năm 2026, đã có 45 nghìn tỷ TPDN mua lại trước hạn.

Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ trong tháng 4/2026 đạt 131.020 tỷ đồng, bình quân đạt 6.551 tỷ đồng/phiên, giảm 5% so với bình quân tháng 3/2026.

Trong 8 tháng còn lại của năm 2026, giá trị đáo hạn ước tính là 158.758 tỷ đồng. Về tình hình công bố thông tin bất thường, có 4 mã trái phiếu chậm trả lãi, gốc trị giá 120 tỷ đồng trong tháng 4.